

Số: /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quản lý địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5118/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định quản lý địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung quản lý, trách nhiệm, sự phối hợp của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các xã, phường (sau đây gọi là *UBND cấp xã*) đối với công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung không nêu tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất và khoáng sản.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản; hoạt động khoáng sản

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó có phân công, phân cấp cho các ngành, địa phương theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Hoạt động khoáng sản phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch khoáng sản; phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
3. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải ưu tiên sử dụng thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp, đầu tư chế biến sâu, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn lao động.
4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật trong hoạt động khoáng sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 4. Bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng

1. Môi trường tại khu vực mỏ chưa khai thác và khu vực mỏ đang khai thác, đã khai thác phải được bảo vệ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng trên địa bàn tỉnh phải được quản lý, bảo vệ theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định pháp luật có liên quan nhằm ngăn chặn việc khai thác trái phép, thất thoát tài nguyên và bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên.
3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật để quản lý, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

b) Đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 66 và khoản 3 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về khoáng sản giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh giáp ranh, hoặc giữa tỉnh Lai Châu với các Bộ, ngành có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về địa chất và khoáng sản đến tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn;

b) Ban hành kế hoạch quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng trên địa bàn; ký quy chế phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã giáp ranh, lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng trên địa bàn để bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng trên địa bàn;

c) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng trên địa bàn; kiểm tra, ngăn chặn, xử lý, giải tỏa các hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không có các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời;

d) Quản lý, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Quản lý, bảo vệ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản trong các trường hợp: khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực; trong quá trình thực hiện đóng cửa mỏ và sau khi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

5. Các Sở, ngành: Công Thương, Xây dựng, Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ký quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh giáp ranh, hoặc giữa tỉnh Lai Châu với các Bộ, ngành có liên quan;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, đơn đốc thực hiện các quy định của pháp luật để quản lý, bảo vệ môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản, bảo vệ tài nguyên địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Phối hợp kiểm tra, ngăn chặn, xử lý, giải tỏa các hành vi khai thác, sử dụng khoáng sản trái phép.

6. Tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi: khai thác, sử dụng khoáng sản trái phép; vi phạm về bảo vệ môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản; tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chức năng để xử lý theo quy định.

Điều 5. Thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thu hoặc không thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; giao cơ quan quản lý thu, sử dụng kinh phí đóng góp phù hợp với địa bàn có khoáng sản được khai thác.

2. Các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Thuế tỉnh Lai Châu; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính tham mưu thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quy hoạch khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì rà soát, tham mưu xây dựng, điều chỉnh phương án quản lý về địa chất, khoáng sản gửi Sở Tài chính để tích hợp vào quy hoạch tỉnh;

b) Chủ trì rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện quy hoạch khoáng sản nhóm I; thực hiện quy hoạch khoáng sản nhóm II trên địa bàn tỉnh và Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát các khu vực khoáng sản có tiềm năng trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để đề xuất bổ sung vào Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn trong Quy hoạch tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tham mưu phối hợp, triển khai thực hiện Quy hoạch khoáng sản nhóm I, Quy hoạch khoáng sản nhóm II trên địa bàn tỉnh và Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong

Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tích hợp Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản vào Quy hoạch tỉnh.

Điều 7. Điều tra cơ bản về địa chất; điều tra cơ bản về khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận; chủ trì tham mưu thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất đối với đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV. Tham mưu thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Các Sở, ngành: Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận; tổ chức thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất đối với đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 8. Khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực

tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, xin ý kiến theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Các Sở, ngành: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Thời gian thăm dò khoáng sản

1. Đối với các mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò căn cứ vào loại khoáng sản, đặc điểm, điều kiện thực tế và khối lượng công tác thăm dò của từng mỏ tham mưu quyết định thời gian thăm dò.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giấy phép thăm dò hết hạn không được người có thẩm quyền gia hạn giấy phép, khoáng sản tại khu vực thăm dò của đề án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 10. Hình thức thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản, Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

1. Hình thức thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản, Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

a) Việc thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II và nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định; thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II và nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật;

b) Việc thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản, Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được thực hiện theo hình thức xin ý kiến.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản, Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Ban hành văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan, các chuyên gia; tổng hợp các ý kiến tham gia, ban hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung. Thẩm tra hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

3. Các Sở: Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khoáng sản được thăm dò có trách nhiệm cử thành viên tham gia các Hội đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; tham gia ý kiến đối với Đề án thăm dò khoáng sản, Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản có giá trị kinh tế cao, nhu cầu sử dụng lớn thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi quyết định;

b) Tổ chức lựa chọn đơn vị thi công đề án thăm dò khoáng sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về đấu thầu; lựa chọn đơn vị giám sát việc triển khai thực hiện thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản có giá trị kinh tế cao, nhu cầu sử dụng lớn thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Thẩm định thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi; phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

1. Thẩm định thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Sở Xây dựng thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, bao gồm các nội dung của thiết kế cơ sở thuộc phạm vi thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, đối với dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định và thuộc chuyên ngành, phạm vi, thẩm quyền của Sở Xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Sở Công Thương thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, trong đó có nội dung thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản (trừ mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng) thuộc đối tượng, chuyên ngành quản lý, phạm vi và thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Lai Châu thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, trong đó có nội dung thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản tại địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, tham gia ý kiến đối với nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý được giao theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin, tài liệu và ý kiến đã cung cấp.

2. Phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

a) Sở Công Thương chủ trì tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp đối với các mỏ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này.

Điều 13. Đóng cửa mỏ trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không có khả năng thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Lựa chọn đơn vị thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tiếp nhận, tham mưu thẩm định hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định;

b) Kinh phí để lập, thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản sử dụng từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; kinh phí xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã giải thể hoặc phá sản (nếu có) theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về hợp tác xã và pháp luật về phục hồi, phá sản. Trường hợp không đủ để thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán ngân sách theo quy định.

2. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán ngân sách cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp không đủ kinh phí để thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Các Sở, ngành: Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ khoáng sản đóng cửa có trách nhiệm phối hợp thẩm định hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Điều 14. Cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ

Trong quá trình tham mưu thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định. Trường hợp khu vực thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ giáp ranh địa giới hành chính cấp tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh giáp ranh.

Điều 15. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thu thập, cập nhật, lưu giữ, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, kết nối về hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đôn đốc, kiểm tra tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh cập nhật thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định.

Điều 16. Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đối với khoáng sản nhóm I trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì tham mưu thực hiện việc khoanh định, trình phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch được phê duyệt.

2. Các Sở, ngành: Công Thương; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu thực hiện khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản

1. Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra công tác quản lý, bảo vệ địa chất và khoáng sản; hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Người đứng đầu các Sở, ngành: Công Thương, Xây dựng, Nội vụ, Thuế tỉnh kiểm tra chuyên ngành trong phạm vi được giao tham mưu; phối hợp thực hiện

công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trên địa bàn quản lý.

5. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trong phạm vi được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn.

Điều 18. Kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng

1. Hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu thực tế công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng vào dự toán ngân sách của đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định.

2. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định.

Điều 19. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản

1. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản hằng năm về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01 tháng 02 của năm sau.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất các nội dung để các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; đôn đốc các tổ chức hoạt động khoáng sản báo cáo định kỳ; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh hằng năm gửi các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng trước ngày 01 tháng 3 của năm sau theo quy định.

3. Ngoài chế độ báo cáo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, tình hình hoạt động khoáng sản khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai Quyết định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định (nếu có).

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 21;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu (đăng tin);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (công khai);
- Văn phòng UBND tỉnh: V, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải